

Bản án số: 05/2025/HNGĐ - ST

Ngày 30/05/2025

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MÔ – TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Toàn, ông Nguyễn Văn Cử

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên mô, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 05 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 120/2024/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST- HNGĐ, ngày 29 tháng 04 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 04 ngày 15 tháng 05 năm 2025 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1991; địa chỉ: xóm D, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (chỗ ở số A, ngõ B K, phường K, quận T, thành phố Hà Nội (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (để giao nộp tài liệu chứng cứ và nhận văn bản tố tụng):

Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1993 và chị Trịnh Thị L, sinh năm 2001; địa chỉ: A đường N, phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: chị Luân Thị N- Luật sư thuộc Công ty L1, chi Nhánh H2; địa chỉ: H đường N, phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1985 (vắng mặt). Địa chỉ: xóm D, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H1, xây dựng gia đình với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình năm 2010. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chị chung sống hạnh phúc nhưng càng về sau, càng nảy sinh mâu thuẫn. Cụ thể, bắt đầu từ năm 2014 vợ chồng chị bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn điểm điểm là từ năm 2019 đến cuối năm 2021, chị bị anh H1 giam cầm trong 03 tháng (từ tháng 11/ 2021 đến tháng 02/2022) trong thời gian

này chị sống gần như nguyên thủy, anh H1 cắt hết giấy tờ tùy thân cũng như điện thoại của chị, không cho chị xem ti vi, chị H đi làm phải có người đưa đi, lúc tan ca có người đón về, trong giờ là chị H làm gì anh H1 đều biết hết (bởi anh H1 thuê người theo dõi chị H). Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là chị và anh H1 bất đồng trong việc nuôi dạy con cái và chi tiêu trong gia đình, bất đồng trong quan điểm sống cũng như nhìn nhận cuộc sống, vợ chồng có xảy ra gây gổ, cãi vã. Bên cạnh đó, anh H1 ghen tuông mù quáng, quản lý chị H giao lưu với bên ngoài, quản lý cả thời gian và tiền bạc của chị H. Từ năm 2022 chị và anh H1 sống ly thân, chị và anh H1 không còn quan tâm gì đến nhau nữa, mỗi ai người đó lo cho cuộc sống của mình, mặc dù hai bên gia đình đã cố gắng hòa giải để hàn gắn tình cảm hai vợ chồng nhưng mục đích hôn nhân không cứu vãn được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị ly hôn với anh H1.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoài T1, sinh ngày 15/12/2010 và cháu Nguyễn An K, sinh ngày 28/02/2014. Hiện nay các cháu đang sinh sống cùng với anh H1, khi ly hôn chị H đề nghị giao 02 cháu cho anh H1, tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Theo đơn khởi kiện, chị H trình bày, chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đồng/02 cháu; bản tự khai chị đề nghị chị và anh H1 tự thỏa thuận về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ý kiến của anh Nguyễn Văn H1:

Anh Nguyễn Văn H1 và chị Nguyễn Thị H xây dựng gia đình với nhau được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình năm 2010. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng anh sống hạnh phúc đến năm 2016, vợ chồng anh bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do tính tình anh chị không hợp, bất đồng trong quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau đỉnh điểm là năm 2019 đến 2021, từ năm 2022 vợ chồng anh sống ly thân nhau, không ai quan tâm gì đến nhau nữa, chị H đi đâu làm gì từ đó cho tới nay anh H1 không rõ, anh H1 không có thông tin gì của chị H, chị H cũng không chu cấp gì cho anh H1 để nuôi con. Nay chị H đề nghị giải quyết ly hôn, anh H1 cũng nhận thấy tình cảm của anh và chị H không còn anh cũng nhất trí ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn H1 và chị Nguyễn Thị H và có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoài T1, sinh ngày 15/12/2010 và cháu Nguyễn An N1, sinh ngày 28/02/2014. Hiện nay các cháu đang sinh sống cùng với anh H1, khi ly hôn anh H1 đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cả 02 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh H1 không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Nguyễn Văn H1 không đề nghị tòa án giải quyết

Qua xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy: Trong quá trình chung sống, anh Nguyễn Văn H1, chị Nguyễn Thị H, có phát sinh mâu thuẫn và anh chị đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm HĐXX nghị án, Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng Xét Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H;
- Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H1.
- Về việc nuôi con chung: Giao các cháu Nguyễn Hoài T1, sinh ngày 15/12/2010 và cháu Nguyễn An K, sinh ngày 28/02/2014 cho anh H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.
- Về tài sản, công nợ: Chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn H1 không yêu cầu giải quyết.
- Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Về ly hôn) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự chị H đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H khởi kiện ly hôn đối với anh Nguyễn Văn H1 cư trú tại: xóm D, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, Tòa án nhân dân huyện Yên Mô thụ lý giải quyết đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, theo quy định tại Điều 28 và 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn H1, chị Nguyễn Thị H, người đại diện hợp pháp của chị H đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vắng mặt; Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị H theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố Tụng dân sự;

|2 Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H1 xây dựng gia đình với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị H, anh H1 thừa nhận vợ chồng anh chị có phát sinh mâu thuẫn, và anh chị đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn. Quá trình giải quyết vụ án, chị H không đề nghị Tòa án hòa giải cho thấy hôn nhân giữa anh H1, chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được.

Theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình thì

“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị H là có căn cứ, cần chấp nhận.

Về việc nuôi con, tài sản, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoài T1, sinh ngày 15/12/2010 và cháu Nguyễn An K, sinh ngày 28/02/2014. Hiện nay các cháu đang sinh sống cùng với anh H1, khi ly hôn anh H1, chị H đều nhất trí để anh H1 được trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cả 02 cháu, phù hợp với nguyện vọng chung của 02 cháu, nên giao các cháu cho anh H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi), chị H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị H trình bày: chị và anh H1 tự thỏa thuận với nhau về cấp dưỡng nuôi con; anh H1 đề nghị không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con. Xét đề nghị của anh H1 là tự nguyện, nên không buộc chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn H1 không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.
2. Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H1.
3. Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Hoài T1, sinh ngày 15/12/2010 và cháu Nguyễn An K, sinh ngày 28/02/2014 cho anh Nguyễn Văn H1 trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình.

4. Về án phí: chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0002028, ngày 18/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mô, chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, chị Nguyễn Thị H: anh Nguyễn Văn H1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình(1)
- VKSND huyện Yên Mô(1)
- VKSND tỉnh Ninh Bình (1)
- Chi cục THADS huyện Yên Mô (1)
- UBND xã Yên Thắng, h. Yên Mô(1)
- Các đương sự (2)
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Anh Tuấn